# Phụ lục I:

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ CÁC MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu 1.1** | Mẫu báo cáo tình hình sử dụng năng lượng của cơ sở sử dụng năng lượng và cơ quan, đơn vị. |
| **Mẫu 1.2** | Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (CSSDNLTĐ) *(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)* |
| **Mẫu 1.3** | Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)* |
| **Mẫu 1.4** | Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho tòa nhà trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng, cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)* |
| **Mẫu 1.5** | Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)* |
| **Mẫu 1.6** | Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)* |
| **Mẫu 1.7** | Mẫu Kế hoạch năm và Báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm *(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)* |
| **Mẫu 1.8** | Mẫu báo cáo tổng hợp danh sách CSSDNLTĐ hàng năm gửi về Bộ Công Thương |
| **Mẫu 1.9** | Mẫu báo cáo tình hình tuân thủ luật của CSSDNLTĐ *(Dùng cho Sở Công Thương báo cáo Bộ Công Thương trên Trang thông tin điện tử: http://www.dataenergy.vn)* |

### **Mẫu 1.1**

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

[Tên cơ sở] báo cáo sử dụng năng lượng năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.../.../……]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........…………………………….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ....

Điạ chỉ: ...………………………..............[Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh ...]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ..............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: ……….…….......……

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ...............................................................................

Điạ chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …………..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email:…..…….......…

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

**Thông tin về tình hình tiêu dùng năng lượng**

| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính (\*)** | **Lượng tiêu thụ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Điện (2\*) | Điện mua vào | kWh |  |  |
| Điện tự sản xuất | kWh |  |  |
| Điện bán ra | kWh |  |  |
| 2 | Than (3\*) | Tấn |  |  |
| 3 | Dầu DO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 4 | Dầu FO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 5 | LPG |  Tấn |  |  |
| 6 | Khí tự nhiên (Natural Gas) | Tấn |  |  |
| 7 | Xăng  | Tấn |  |  |
| 8 | Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel) | Tấn |  |  |
| 9 | Gỗ/Trấu | Tấn |  |  |
| 10 | Các dạng sinh khối khác (Biomass…) | Tấn |  |  |
| 11 | Hơi mua ngoài (4\*) | Tấn |  |  |
| 12 | Năng lượng khác (5\*) | (ghi rõ đơn vị tính) |  |  |

Ghi chú:

 (\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

 (2\*): Tổng điện sử dụng = Điện mua vào + Điện tự sản xuất – Điện bán ra;

 (3\*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

 (4\*): Lựa chọn loại hơi có áp suất phù hợp;

 (5\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**

### **Mẫu 1.2**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến, gia công sản phẩm trong nông nghiệp)*

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH NĂM VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

 [Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [.../.../……]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........…………………………….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ....

Điạ chỉ: ...……………………….............. [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ..............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......……

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ...............................................................................

Điạ chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email:….…….......…

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

Doanh thu: ……………………………………………………………………………..

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

 : Chưa áp dụng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001:2011

**I. Thông tin về cơ sở và** **sản** **phẩm**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở năm [Năm N-1]**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năng lực SX** **Tên sản phẩm**  | **Đơn vị đo(1)** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất** **hiện tại** | **Tiêu thụ năng lượng theo sản phẩm(2)** | **Doanh thu** **theo sản phẩm (triệu đồng)** |
|  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |

(1) chọn đơn vị phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v…

(2) Lựa chọn loại năng lượng và đơn vị phù hợp trên hệ thống, có thể thêm nhiều loại năng lượng nếu có

**1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:**

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (4)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí****(Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  | Mức tiết kiệm NL (Đơnvị đo)Mức tiết kiệm NL (%)(3)Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?) |  |  |
|  |  |  |  | Mức tiết kiệm NL (Đơnvị đo)Mức tiết kiệm NL (%)(1)Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)  |  |  |

(3) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(4) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm** **[năm N]**

**2.1 Dự kiến chỉ tiêu:**

**Công suất sản xuất theo kế hoạch của cơ sở**

|  |
| --- |
| (chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v…) |
| **Năng lực SX****Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất** **dự kiến** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2.2 Dự kiến mức sử dụng năng lượng**

*2.2.1. Mức tiêu thụ nhiên liệu*

| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính(\*)** | **Lượng tiêu thụ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Than (2\*) | Tấn |  |  |
| 2 | Dầu DO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 3 | Dầu FO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 4 | LPG |  Tấn |  |  |
| 5 | Khí tự nhiên (Natural Gas) | Tấn |  |  |
| 6 | Xăng  | Tấn |  |  |
| 7 | Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel) | Tấn |  |  |
| 8 | Gỗ/Trấu | Tấn |  |  |
| 9 | Các dạng sinh khối khác (Biomass…) | Tấn |  |  |
| 10 | Hơi mua ngoài (3\*) | Tấn |  |  |
| 11 | Năng lượng khác (4\*) | (ghi rõ đơn vị tính) |  |  |

Ghi chú:

 (\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

 (2\*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

 (3\*): Lựa chọn loại hơi có áp suất phù hợp;

 (4\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và nhiệt trị của năng lượng.

*2.2.2. Tiêu thụ điện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I. Điện năng mua từ lưới: | Công suất đăng ký ….…………. kW | Điện năng …….…... 106 kWh/năm |
| II. Điện tự sản xuất (nếu có): | Công suất lắp đặt:………………kW | Điện năng sản xuất:………106kWh/năm |
| 1. Biomass |  |  |
| 2. Biogas |  |  |
| 3. Điện gió |  |  |
| 4. Điện mặt trời |  |  |
| III. Điện bán ra (nếu có) | Công suất bán ra:………………..kW | Sản lượng điện bán ra:…………………….…106kWh/năm |

**2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả** *(Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí****(Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| …..…..….. |  |  |  | Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)Mức tiết kiệm NL (%)1Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)  |  |  |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

*Ngày báo cáo […./.../….]*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập kế hoạch** |  | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |

### **Mẫu 1.3**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở sản xuất điện)*

**BÁO CÁO KẾ HOẠCH NĂM VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

 [Tên cơ sở] báo cáo kế hoạch năm [năm N] Ngày lập báo cáo [../../……]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........…………………………….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ....

Điạ chỉ: ...……………………….............. [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ..............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......……

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ...............................................................................

Điạ chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......…

Chủ sở hữu: (Nhà nước/ thành phần kinh tế khác)

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

 : Chưa áp dụng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001:2011

**I. Thông tin về cơ sở và sản phẩm**

**1.1 Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhiên liệu sử dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Khối lượng SD/năm** | **Nhiệt trị thấp** *(kJ/kg)* |
| Nhiên liệu chính Nhiên liệu thay thế Nhiên liệu phụ trợ 1Nhiên liệu phụ trợ 2 |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số tổ máy** | **Công suất** *(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** | **Số tổ máy** | **Công suất** *(MW)* | **Hiệu suất thiết kế** | **Hiệu suất vận hành trung bình** |
| Tổ máy 1 |  |  |  | Tổ máy 3 |  |  |  |
| Tổ máy 2 |  |  |  | Tổ máy 4 |  |  |  |

**1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm** **[Năm N-1]** :

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục II.3 của Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung, nếu có)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  | Mức tiết kiệm NL (Đơnvị đo)Mức tiết kiệm NL (%)1Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?) |  |  |
| …. | …. | … | … | Mức tiết kiệm NL (Đơnvị đo)Mức tiết kiệm NL (%)1Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)  | … | … |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm** **[năm N]**

**2.1 Dự kiến chỉ tiêu:**

**Công suất sản xuất theo kế hoạch của cơ sở**

|  |
| --- |
| (chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v…) |
| **Năng lực SX****Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Theo thiết kế** | **Mức sản xuất** **dự kiến** |
|  |  |  |  |
| …… |  |  |  |

**2.2 Dự kiến mức sử dụng nhiên liệu**

*2.2.1. Tiêu thụ nhiên liệu*

| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính(\*)** | **Lượng tiêu thụ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Than (2\*) | Tấn |  |  |
| 2 | Dầu DO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 3 | Dầu FO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 4 | LPG |  Tấn |  |  |
| 5 | Khí tự nhiên (Natural Gas) | Tấn |  |  |
| 6 | Xăng  | Tấn |  |  |
| 7 | Gỗ/Trấu | Tấn |  |  |
| 8 | Các dạng sinh khối khác (Biomass…) | Tấn |  |  |
| 9 | Năng lượng khác (3\*) | (ghi rõ đơn vị tính) |  |  |

Ghi chú:

 (\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp;

 (2\*): Lựa chọn loại than phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

 (3\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

*2.2.2 Tiêu thụ điện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I. Điện năng mua từ lưới: | Công suất đăng ký ….…. kW | Điện năng ………... 103 kWh/năm |
| II. Điện tự sản xuất (phần tự dùng) |  | Điện năng tự dùng: ………103kWh/năm |

**2.3 Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:**

**Các giải pháp và dự kiến kết *quả*** *(Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký của kỳ và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí** **(Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| …..…..….. |  |  |  | Mức tiết kiệm NL (Đơnvị đo)Mức tiết kiệm NL (%)(1)Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)  |  |  |

(1)So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

***Cam kết***

Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

*Ngày báo cáo […/../….]*

|  |  |
| --- | --- |
| **Người lập kế hoạch** | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |

### **Mẫu 1.4**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho tòa nhà, trụ sở, văn phòng làm việc, nhà ở; cơ sở giáo dục, y tế, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao; khách sạn, siêu thị, nhà hàng, cửa hàng, cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch năm **[**năm N**]** Ngày lập báo cáo **[../../……]**

Mã số ID: **[***Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp***]**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........………………..……………………….

Mã số thuế: ……………………………........…………………...………………. ....

Địa chỉ: ...……………………………….............. [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ...........................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......……….....

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...…………………………………..….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......……........

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

 : Chưa áp dụng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001:2011

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Thông tin về cơ sở hạ tầng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm đưa tòa nhà vào hoạt động |  | Loại công trình |  |
| Tổng diện tích mặt sàn | ……m2 | Số tầng |  |
| Tổng diện tích được bao che | ……m2 | Tổng diện tích bán bao che | ……m2 |
| Tổng diện tích không bao che | ……m2 | Diện tích được ĐHNĐ (1) | ……m2 |
| Tổng diện tích văn phòng | ……m2 | Số phòng làm việc |  |
| Tổng diện tích các phòng họp | ……m2 | Số phòng họp |  |
| Diện tích cho thuê làm cửa hàng | ……m2 | Số cửa hàng |  |
| Diện tích khu căng - tin, phục vụ | ……m2 | Diện tích khu giải trí | ……m2 |

*Ghi chú:* (1) ĐHNĐ - Điều hòa nhiệt độ.

*(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục:* **1.2,II;** *)*

### **Mẫu 1.5**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ**

**SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch năm **[**năm N**]** Ngày lập báo cáo **[../../……]**

Mã số ID: **[***Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp***]**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........……………………………………..….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ……......

Địa chỉ: ...………………………........................... [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …..........................., Email: .…….......…...….......

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......………….

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

 : Chưa áp dụng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001:2011

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Năng lực của cơ sở**

| **Loại phương tiện** | **Số lượng** (chiếc) | **Loại nhiên liệu** | **Năng lực vận chuyển/năm** |
| --- | --- | --- | --- |
| *H.khách x km* | *Tấn x km* |
| Xe taxi  |   |   |   |   |
| Xe buýt |   |   |   |   |
| Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt) |   |   |   |   |
| Xe ô tô tải các loại |   |   |   |   |
| Tàu hỏa |   |   |   |   |
| Tàu biển |   |   |   |   |
| Phương tiện thủy nội địa |   |   |   |   |
| Tàu bay |   |   |   |   |
| Phương tiện khác |   |   |   |   |

**1.2 Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [Năm N-1]:**

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục 2.3 trong Kế hoạch năm N-1 về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và ghi thêm các giải pháp bổ sung, nếu có)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| …..…..….. |  |  |  | Mức tiết kiệm NL……(Đơn vị đo)Mức tiết kiệm NL…….(%)(1) Tiết kiệm chi phí……..(Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)  |  |  |

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm** **[năm N]**

**2.1 Dự kiến chỉ tiêu:**

**Năng lực của cơ sở**

| **Loại phương tiện** | **Số lượng** (chiếc) | **Loại nhiên liệu** | **Năng lực vận chuyển/năm** |
| --- | --- | --- | --- |
| *H.khách x km* | *Tấn x km* |
| Xe taxi  |   |   |   |   |
| Xe buýt |   |   |   |   |
| Xe ô tô khách (trừ xe taxi và xe buýt) |   |   |   |   |
| Xe ô tô tải các loại |   |   |   |   |
| Tàu hỏa |   |   |   |   |
| Tàu biển |   |   |   |   |
| Phương tiện thủy nội địa |   |   |   |   |
| Tàu bay |   |   |   |   |
| Phương tiện khác |   |   |   |   |

**2.2 Dự kiến mức sử dụng năng lượng**

*2.2.1. Tiêu thụ nhiên liệu*

| **STT** | **Loại năng lượng** | **Đơn vị tính (\*)** | **Lượng tiêu thụ dự kiến** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Dầu DO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 2 | Dầu FO | 1.000 Lít (tấn) |  |  |
| 3 | LPG |  Tấn |  |  |
| 4 | Khí tự nhiên (Natural Gas) | Tấn |  |  |
| 5 | Xăng  | Tấn |  |  |
| 6 | Nhiên liệu phản lực (Jet Fuel) | Tấn |  |  |
| 7 | Năng lượng khác (2\*) | (ghi rõ đơn vị tính) |  |  |

Ghi chú:

 (\*): Lựa chọn loại đơn vị cho phù hợp trên hệ thống http://dataenergy.vn;

 (2\*): Với năng lượng khác cần ghi rõ loại năng lượng và cung cấp nhiệt trị của năng lượng.

*2.2.2. Tiêu thụ điện*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| I. Điện năng mua từ lưới: | Công suất đăng ký …. kW | Điện năng ………... 106 kWh/năm |
| II. Điện tự sản xuất (nếu có): | Công suất lắp đặt:……kW | Điện năng sản xuất: ………106kWh/năm |
| 1. Biomass |  |  |
| 2. Biogas |  |  |
| 3. Điện gió |  |  |
| 4. Điện mặt trời |  |  |
| III. Điện bán ra (nếu có) | Công suất bán ra:……kW | Sản lượng điện bán ra: ……………………..106kWh/năm |

**2.3. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [năm N]:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả** *(Đối chiếu với kế hoạch 5 năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung, nếu có, trong năm kế hoạch)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giải pháp TKNL đã áp dụng** | **Loại nhiên liệu** | **Giải pháp tiết kiệm năng lượng đối với hệ thống (2)** | **Mô tả giải pháp** | **Kết quả đạt được** | **Chi phí (Triệu đồng)** | **Ghi chú** |
| …..…..….. |  |  |  | Mức tiết kiệm NL (Đơn vị đo)Mức tiết kiệm NL (%)(1) Tiết kiệm chi phí (Tr. đồng)Lợi ích khác (là gì?)  |  |  |

(1)So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v…), không so với tổng năng lượng sử dụng.

(2) Điền mã hệ thống bằng cách lựa chọn theo danh mục mã hệ thống.

***Cam kết***

 Được sự ủy quyền của Giám đốc Công ty [Tên Công ty] về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [năm N] của [Tên Công ty hoặc Chi nhánh/Nhà máy trực thuộc được báo cáo trong kế hoạch], tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

|  |  |
| --- | --- |
|  **Người lập kế hoạch** | **Người đứng đầu cơ sở duyệt** |

 *Ngày báo cáo […/.../….]*

### **Mẫu 1.6**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ**

**SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở đánh bắt thủy, hải sản; máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch năm **[**năm N**]** Ngày lập báo cáo **[.../../……]**

Mã số ID: **[***Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp***]**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: Lựa chọn theo các phân ngành trong hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia http://dataenergy.vn ……………………………........…………………………

Tên cơ sở: ……………………………........……………………………………..….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ……......

Địa chỉ: ...………………………........................... [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …..........................., Email: .…….......…...….......

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email: .…….......………….

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

 : Chưa áp dụng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001:2011

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Năng lực sản xuất của cơ sở**

| **Loại phương tiện** | **Số lượng (chiếc)** | **Loại** **nhiên liệu/năng lượng** |
| --- | --- | --- |
| -       Tàu đánh bắt cá  |   |   |
| -      Tàu thủy/thuyền  |  |  |
| -       Máy kéo |   |   |
| -       Máy cày  |   |   |
| -       Máy gặt đập  |   |   |
| -       Máy tuốt lúa |   |   |
| -       Ô tô tải |  |  |
| *….* |   |   |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục:* ***1.2,*****II***)*

### **Mẫu 1.7**

**MẪU KẾ HOẠCH NĂM VÀ BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ CỦA CƠ SỞ**

**SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

*(Dùng cho cơ sở thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp)*

**KẾ HOẠCH NĂM**

**VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**[*Tên cơ sở*]** báo cáo kế hoạch năm **[**năm N**]** Ngày lập báo cáo **[.../.../……]**

Mã số ID: **[***Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp***]**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày tháng năm nhận báo cáo (kể cả các lần bổ sung hồ sơ báo cáo) | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |
| Ngày tháng năm xử lý, phê duyệt báo cáo | [Dành cho Sở Công Thương ghi] |

Phân ngành: ................................................................................................................

Tên cơ sở: ……………………………........……………………………………..….

Mã số thuế: ……………………………........……………………………. ……......

Địa chỉ: ...………………………........................... [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: ............................................................

Điện thoại: .......................... Fax: …..........................., Email: .…….......…...….......

Trực thuộc (tên công ty mẹ): ......................................................................................

Địa chỉ: ...……………………………….… [Tên Huyện ….] [Tên Tỉnh …..]

Điện thoại: .......................... Fax: …............................, Email:….…….......………….

Chủ sở hữu: *(Nhà nước/thành phần kinh tế khác)*

Cơ sở đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng chưa?

 : Chưa áp dụng

 : Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng

: Đã áp dụng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN: ISO 50001:2011

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

**1.1. Năng lực sản xuất của cơ sở**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hạng mục** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** |
| Diện tích đất được phục vụ tưới tiêu | *ha* |  |
| Số trạm bơm | *(trạm)* |  |
| Số lượng bơm | *(chiếc)* |  |
| Tổng công suất sử dụng điện cho bơmKhối lượng nước bơm hàng ngày | *kW**m3/ngày* |  |
| *….* |  |  |

*(Các nội dung khác theo Mẫu 1.2, mục:* **1.2,II***)*

**Mẫu 1.8**

**TỔNG HỢP DANH SÁCH CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM**

**UBND Tỉnh, Thành phố…**

**Sở Công Thương**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ,****Điện thoại, email, fax** | **Ngành nghề SX, kinh doanh chính** | **Tiêu thụ năng lượng năm N** | **Quy đổi** (1)*(TOE)* | **Ghi chú** |
| ***Điện****(kWh)* | ***Than****(tấn)* | ***DO****(tấn)* | ***FO****(tấn)* | ***Xăng****(tấn)* | ***Khí****(m3)* | ***Khác****(số đo)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** *Phân loại theo ngành nghề (Sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, tòa nhà, dịch vụ thương mại, giao thông vận tải); Nếu có thể, mở rộng đến phân ngành Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.*

**Mẫu 1.9**

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH TUÂN THỦ LUẬT CỦA CSSDNLTĐ**

*(Dùng cho Sở Công Thương báo cáo Bộ Công Thương trên Trang thông tin điện tử http://dataenergy.vn)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **BÁO CÁO TÌNH HÌNH TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA CÁC CƠ SỞ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRỌNG ĐIỂM** | **GHI CHÚ:** |  | **Nhập tay** |  |  | **Tự động cập nhật** |   |   |
|  | **Tỉnh/TP:** | **Năm báo cáo:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   |   |
|   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |
| **STT** | **Tên CSSDNLTĐ** | **Mã số Thuế** | **Lĩnh vực** | **Ngành nghề** | **PHẦN II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂNG LƯỢNG** | **PHẦN III. BÁO CÁO KẾ HOẠCH 1 NĂM** | **PHẦN IV. BÁO CÁO KẾ HOẠCH 5 NĂM** | **PHẦN V. XÂY DỰNG MÔ HÌNH QLNL** |
| **Báo cáo KTNL**  | **Báo cáo KTNL mới** | **Nội dung báo cáo KTNL** | **Số dự án TKNL theo kế hoạch** | **Số dự án TKNL được hoàn thành** | **Tỷ lệ dự án TKNL hoàn thành** | **Báo cáo hợp lệ** | **Nội dung báo cáo kế hoạch 1 năm** | **Mục tiêu năm trước theo số lượng** | **Mục tiêu năm trước theo mức tiết kiệm** | **Báo cáo hợp lệ** | **Nội dung báo cáo kế hoạch 5 năm** | **Đã xây dựng mô hình QLNL** |
| 1 |   |   |   |   | Hợp lệ | Có | Không hợp lệ | 5 | 3 | 60,0% | Hợp lệ | Không hợp lệ | Đạt | Không đạt | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 2 |   |   |   |   | Không hợp lệ | Không |   | 5 | 2 | 40,0% | Không hợp lệ | Không hợp lệ | Không đạt | Không đạt | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 3 |   |   |   |   | Không hợp lệ | Có |   | 4 | 2 | 50,0% |   | Không hợp lệ |   |   | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 4 |   |   |   |   | Hợp lệ |   |   | 5 | 2 | 40,0% |   | Không hợp lệ |   |   | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 5 |   |   |   |   | Hợp lệ |   |   |   |   |  |   | Không hợp lệ |   |   | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 6 |   |   |   |   | Hợp lệ |   |   |   |   |  |   | Không hợp lệ |   |   | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 7 |   |   |   |   | Hợp lệ |   |   |   |   |  |   | Không hợp lệ |   |   | Hợp lệ | Hợp lệ |   |
| 8 |   |   |   |   | Hợp lệ |   |   |   |   |  |   | Không hợp lệ |   |   | Hợp lệ | Hợp lệ |   |

**DANH MỤC MÃ HỆ THỐNG SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hệ thống sử dụng điện (Hệ thống điện)** | ***Tên hệ thống*** | ***Mã*** | **Hệ thống sử dụng nhiên liệu (Hệ thống nhiệt)** | ***Tên hệ thống*** | ***Mã*** |
| Hệ thống làm lạnh | E1 | Hệ thống lò nung | T1 |
| Hệ thống làm mát | E2 | Hệ thống sấy | T2 |
| Hệ thống điều hòa không khí | E3 | Hệ thống hóa hơi[[1]](#footnote-1) | T3 |
| Hệ thống khí nén | E4 | Hệ thống gia nhiệt chung  | T4 |
| Hệ thống bơm | E5 | Hệ thống lò hơi và phân phối hơi nước  | T5 |
| Hệ thống quạt | E6 | Hệ thống phương tiện vận tải | T6 |
| Hệ thống chiếu sáng | E7 | Hệ thống máy nông nghiệp | T7 |
| Hệ thống gia nhiệt chung | E8 | Hệ thống khác | T8 |
| Hệ thống nước nóng | E9 |   |   |
| Hệ thống thiết bị sản xuất | E10 |   |   |
| Hệ thống khác | E11 |   |   |

1. Hệ thống hóa hơi: Là hệ thống tách chất lỏng ra khỏi sản phẩm [↑](#footnote-ref-1)